

PHÁT BIỂU CẢM NGHĨ VỀ

NHỮNG CÂU HÁT CHÂM BIẾM - VĂN MẪU 7

Đề bài: Em hãy chọn một số câu hát châm biếm và phát biểu cảm nghĩ của mình về những câu hát ấy.

Bài mẫu 1

Trong ca dao - dân ca, ngoài những câu hát yêu thương, tình nghĩa, những câu hát than thân... còn nhiều câu hát mang nội dung hài hước, châm biếm nhằm phơi bày các hiện tượng ngược đời, phê phán những thói hư tật xấu, những hạng người và hiện tượng ngược đời, những thói hư tật xấu, những hạng người và hiện tượng đáng cười trong xã hội. Dưới đây là những bài được phổ biến rộng rãi trong dân gian:

1.

*Cái có lặn lội bờ ao,
Hỡi cô yếm đào lấy chú tôi chăng?
Chú tôi hay tũu hay tắm,
Hay nước chè đặc, hay nằm ngủ trưa.
Ngày thì ước những ngày mưa,
Đêm thì ước những đêm thừa trống canh.*

2.

*Số cô chẳng giàu thì nghèo
Ngày ba mươi Tết thịt treo trong nhà
Số cô có mẹ có cha
Mẹ cô đàn bà, cha cô đàn ông.
Số cô có vợ có chồng,
Sinh con đầu lòng chẳng gái thì trai.*

3.

*Con cò chết rũ trên cây,
Cò con mở lịch xem ngày làm ma.
Cà cuống uống rượu la đà,
Chim ri riu rít bò ra lấy phân,
Chào mào thì đánh trống quân,
Chim chích cời trần, vác mỗ đi rao.*

4.

*Cậu cai nón dẫu lông gà
Ngón tay đeo nhẫn gọi là cậu cai.
Ba năm được một chuyến sai,
Áo ngắn đi mượn, quần dài đi thuê.*

Những câu hát châm biếm phê phán các thói hư tật xấu qua một số hình ảnh ẩn dụ, tượng trưng và qua lối nói trào lộng gây cười.

Bài thứ nhất là lời giới thiệu, quảng cáo về nhân vật chú tòi. Chân dung của người chú là bức biếm họa được vẽ toàn bằng những nét giễu cợt, mỉa mai.

Hai câu mở đầu: Cái cò lặn lội bờ ao, Hỡi cô yếm đào lấy chú tòi chẳng làm nhiệm vụ bắt vùn và chuẩn bị cho việc giới thiệu nhân vật.

Cô yếm đào là hình ảnh tương phản với hình ảnh của nhân vật chú tòi. Chiếc yếm đào tượng trưng cho những cô gái nông thôn trẻ, đẹp. Xứng đáng lấy cô yếm đào phải là chàng trai chăm chỉ, giỏi giang chứ không thể là người có nhiều thói hư tật xấu.

Cái cò giới thiệu về chú của mình với cái giọng cố làm ra vẻ phô trương, trịnh trọng: Chú tòi hay tưu hay tằm, Hay nước chè đặc, hay nằm ngủ trưa. Ý nghĩa phê phán, chỉ trích nằm cả ở từ hay. Theo cách hiểu dân gian thì hay có nghĩa là tài giỏi, nhưng trong văn cảnh này thì nó có nghĩa ngược lại. Tương hay lam hay làm, ai dè lại hay rượu hay chè đến mức nghiện ngập, bê tha. Ý mỉa mai của từ hay còn hàm chứa ở tầng nghĩa sâu hơn nữa. Tuổi thanh niên sức dài vai rộng mà không lo chí thú làm ăn, lại chấp nhận sống đời tầm gửi thì quả là chẳng đáng mặt làm trai. Người xưa có câu: Làm trai cho đáng nên trai,

xuống Đông Đông tĩnh, lên Đoài Đoài yên... để khẳng định khí phách nam nhi. Bên cạnh đó cũng có câu: Đòi người ngán một gang tay, Ai hay ngủ ngày còn có nửa gang với nội dung phê phán những kẻ siêng ăn nhác làm. Nhân vật chú tôi trong bài ca dao trên là loại người như thế.

Câu ca dao đã cụ thể hóa sự lười biếng của nhân vật chú tôi thành những điều ước trái lẽ tự nhiên: Ngày thì ước những ngày mưa, Đêm thì ước những đêm thừa trống canh để được tha hồ ngủ. Vậy là ngoài tật nghiện rượu, nghiện chè, chú tôi lại còn thêm nghiện ... ngủ (!) Rõ là con người lảm thối hư tật xấu, rất đáng chê cười.

Thông thường, để tác thành việc nhân duyên cho ai, người đứng ra mai mối phải nói tốt, nói đẹp cho người đó. Nhưng ở bài ca dao này thì ngược lại. Bài ca dùng ngôn ngữ hài hước, châm biếm để giới thiệu nhân vật chú tôi - tiêu biểu cho hạng người bất tài vô dụng. Liệu có cô yếm đào nào đủ can đảm để trao thân gởi phận cho những "anh chồng" như thế?!

Bài ca dao thứ hai nhai lại lời của ông thầy bói nói với người xem bói. Nó chỉ "ghi âm" một cách khách quan chứ không đưa ra lời bình luận, đánh giá nào. Đây là nghệ thuật dùng "gậy ông đập lưng ông", có tác dụng gây cười và châm biếm rất thâm thúy.

Chúng ta thử nghe xem ông thầy bói giỏi giang kia đã phán những gì? Ông ta phán toàn những chuyện hệ trọng mà người đi xem bói (là nữ) rất quan tâm: giàu - nghèo, cha - mẹ, chồng - con. Chuyện nào thầy cũng nói vanh vách và hết sức cụ thể. Chỉ buồn cười là thầy nói theo kiểu nước đôi (!). Thầy khẳng định chắc như đinh đóng cột những sự việc hiển nhiên mà người trần mắt thịt nào cũng thấy, cũng biết, chẳng cần đến thần thánh phán bảo qua miệng lưỡi trơn tru, dẻo quẹo của thầy.

Dân gian quan niệm rằng con người ta có số. Mỗi người một số phận khác nhau, có kẻ giàu, người nghèo, có kẻ sang, người hèn. Thầy bói phán: Số cô không giàu thì nghèo, có nghĩa là bất luận thế nào thì lời thầy cũng đều đúng cả (!) Nói về ba ngày Tết, tục ngữ có câu: Đói quanh năm, no ba ngày Tết. Dù giàu dù nghèo thì mỗi nhà cũng cố mà lo cho được miếng thịt, đĩa xôi để cúng tổ tiên, ông bà, đó là lẽ đương nhiên. Nhà cô Ngày ba mươi Tết thịt treo trong nhà, chắc chắn là thế, thầy chẳng có nói sai đâu (!)

Tính chất trào lộng, châm biếm của bài ca dao được đẩy lên tới đỉnh điểm ở những lời thầy phán về phụ mẫu: Số cô có mẹ có cha, Mẹ cô đàn bà, cha cô đàn ông và về nhân duyên: Số cô có vợ có chồng, Sinh con đầu lòng, chẳng gái thì trai. Điệp từ Số cô được đặt ở đầu mỗi câu và lặp đi lặp lại nhiều lần khiến người đọc hình dung lão thầy bói có làm ra vẻ trịnh trọng, thiêng liêng nhưng thực chất là thủ đoạn lừa bịp để moi tiền của những người nhẹ dạ, ả tin. Tiếng cười đã kích, phê phán bật lên từ đó. Ca dao có câu châm biếm hạng người lười biếng, chuyên đi lừa đảo, dụ dỗ người khác: Thầy đi xem bói cho người, Số thầy thì để cho ruồi nó bâu.

Cách nói ỡm ờ nước đôi trong bài đã lật tẩy bản chất giả dối của những kẻ hành nghề mê tín dị đoan, lợi dụng lòng tin của người khác để kiếm tiền. Bài ca dao cũng phê phán sự mê tín đến mức mù quáng của không ít người trong xã hội đương thời. Với nội dung tích cực như vậy nên cho đến nay, bài ca dao vẫn nóng hổi ý nghĩa thời sự.

Bài ca dao thứ ba vẽ lên cảnh tượng một đám ma theo tục lệ cũ. Mỗi con vật tượng trưng cho một loại người, một hạng người trong xã hội. Con cò tượng trưng cho người nông dân nghèo. Cà cuống tượng trưng cho những kẻ có máu mặt như lí trưởng, chánh tổng và đám chức dịch trong làng. Lũ chim ri, chào mào gọi liên tưởng đến bọn cai lệ, lính lệ tay sai. Chim chích giống như anh mõ chuyên đi rao việc làng trong các tích chèo cổ.

Người xưa chọn các con vật để "đóng vai" như thế là nhằm mục đích mượn thể giới loài vật để nói về xã hội loài người (giống truyện ngụ ngôn). Từng con vật với những đặc điểm riêng là hình ảnh sinh động tiêu biểu cho từng loại người, hạng người trong xã hội phong kiến đương thời. Do vậy mà nội dung châm biếm, phê phán của bài ca dao trở nên kín đáo hơn, sâu sắc hơn.

Cảnh được miêu tả trái ngược với cảnh tượng thường thấy ở một đám ma. Cuộc đánh chén lu bù, vui vẻ diễn ra trong không khí tang tóc. Con cò có thể chết vì đói khát, vì bệnh tật nhưng cái chết thương tâm của nó lại bị biến thành dịp kiếm chác béo bở cho những kẻ bất nhân, bất nghĩa. Bài ca dao châm biếm hủ tục ma chay trong xã hội cũ. Tàn dư của hủ tục ấy đến nay vẫn còn, chúng ta cần phê phán mạnh mẽ để loại trừ nó ra khỏi đời sống văn minh.

Bài ca dao thứ tư miêu tả chân dung anh chàng cai lệ - kẻ đứng đầu đám lính canh gác và phục dịch ở công đường phủ, huyện thời xưa. Chỉ cần vài nét cơ bản là bức biếm họa sinh động về chân dung cậu cai đã hiện lên đầy đủ trước mắt người đọc.

Trước tiên, phải kể đến cái bè ngoài nhó nhăng của cậu cai. Đầu đội nón dẫu lông gà chứng tỏ cậu cai là lính, nhưng chi tiết ngón tay đeo nhẫn lại đặc tả tính thích phô trương, làm dáng và trai lơ của cậu. Tính cách này cũng được miêu tả trong một số bài ca dao khác, ví dụ như: Cậu cai buông áo em ra, Để em đi chợ kéo mà chợ trưa...

Lâu lâu được các quan phủ, quan huyện sai phái đi làm một công việc nào đó, dù là việc vặt thì cậu cai cũng coi đó là dịp may để phô trương "quyền lực". Khổ nỗi về hình thức, cậu cai chẳng có gì ra hồn để thị oai với thiên hạ. Do vậy mà cậu phải vất vả xoay sở sao cho đủ bộ: Áo ngắn đi mượn, quần dài đi thuê. Chính cách ăn mặc xộc xệch, tạm bợ ấy tự nó đã nói lên cái thân phận bé mọn đến thảm hại của kẻ đầy tớ chốn công đường. Đã vậy mà cậu cai vẫn còn cố khoe mẽ, vênh váo, cáo mượn oai hùm để bắt nạt người dân nghèo thấp cổ bé họng.

Nghệ thuật trào lộng trong bài ca dao này thật đặc sắc. Người xưa châm biếm ngay trong cách gọi chàng cai lệ là cậu cai, mới nghe qua tưởng trân trọng nhưng thực ra đó là thái

độ mỉa mai, phê phán thói háo danh đến mức lố lăng, kịch cỡm của những kẻ có tí chức quyền, dù là bé cõn con, không đáng kể. (Cai: chức vụ thấp nhất trong quân đội thời phong kiến).

Chân dung cậu cai được phơi bày chỉ vắn vện trong hai dòng lục bát và cái gọi là uy quyền của cậu cai tất tậ cũng chỉ có bấy nhiêu thôi. Bài ca dao đặc tả chân dung nhân vật bằng vài nét "điểm chỉ" rất chọn lọc và đặc địa. Qua trang phục và công việc, cậu cai xuất hiện như một kẻ băng nhắng, đáng cười.

Tác giả dân gian đã sử dụng rất thành công nghệ thuật phóng đại để châm biếm cái gọi là quyền hành và thân phận thảm hại của cậu cai. Chi tiết: Ba năm được một chuyến sai là phóng đại. Áo ngắn đi mượn, quần dài đi thuê cũng là phóng đại. Thế nhưng đằng sau chuyện như đùa ấy lại là một sự thật khác: Cậu cai đã bỏ tiền túi ra thuê mướn quần áo, thì chắc "cậu" phải cố tìm cách kiếm chác để gỡ gạc lại cho bỏ chuyến sai ba năm mới có một lần.

Thời trước, tiếp xúc với hạng cai đội, dân nghèo thường phải chịu sự sách nhiễu của chúng. Vì vậy, họ rất hiểu và coi thường hạng người này. Bức biếm họa bằng ngôn ngữ đã thể hiện thái độ mỉa mai, khinh ghét pha chút thương hại của người dân đối với đám tay sai của giai cấp phong kiến thống trị.

Đọc bài ca dao trên, chúng ta không chỉ hả hê trước thái độ châm biếm, đả kích của nhân dân lao động mà còn thích thú bởi đời sống tinh thần phong phú, lạc quan yêu đời của họ. Sức sống mãnh liệt của ca dao - dân ca xuất phát từ niềm tin bất diệt đó.

Bài mẫu 2

Trong kho tàng - dân ca Việt Nam, cùng với những bài ca về tình cảm gia đình, những bài ca tình yêu quê hương đất nước, con người, những tiếng hát than thân, mản ca dao châm biếm chiếm một số lượng đáng kể. Những câu hát châm biếm đã thể hiện khá tập trung những nét đặc sắc của nghệ thuật trào lộng dân gian Việt Nam. Qua các hình thức ẩn dụ, tượng trưng, biện pháp nói ngược vù phóng đại, v.v. những câu hát châm biếm đã phơi bày các sự việc mâu thuẫn, ngược đời, phê phán những thói hư, tật xấu, những hạng người và hiện tượng đáng cười, đáng chê trách trong cuộc sống. Nói khác đi, ca dao châm biếm là vũ khí tinh thần sắc bén của nhân dân ta.

Trong số hàng trăm, hàng ngàn câu ca dao châm biếm, bốn bài trong văn bản Những câu hát châm biếm và ba bài đọc thêm mà học sinh lớp 7 được học có lẽ là tiêu biểu nhất.

Trước hết, chúng ta thử điểm mặt xem đối tượng nhân dân ta châm biếm, chê trách là hạng người nào, là hiện tượng gì? Đó là "chú tôi" - một chàng trai làng - nào đó, là một ông thầy bói, là một "cậu cai" (trong bài học chính). Đó là một ông thầy cúng luôn tay gõ

chập cheng, là "con mèo" - một loại quan chức, địa chủ trong làng. Đó còn là ông "quan tướng" (trong phần đọc thêm), về hiện tượng xã hội, ca dao châm biếm tập trung nói tới việc ma chay trong làng (bài 3, văn bản chính), hoặc cưới hỏi, lễ bái ở đình chùa... Tất cả những chân dung con người ấy điển hình cho loại người vô công rồi nghề, loại người chức sắc, quan lại từ nhỏ đến lớn, loại người chuyên nghề mê tín dị đoan,... Họ lười biếng, bê tha, gian dối, tàn ác, sách nhiễu nhân dân, gây ra biết bao hiện tượng tiêu cực trong xóm ngoài làng, gieo biết bao đau khổ cho nhân dân. Họ thật đáng cười, đáng chê trách và lên án.

Trước hết là cái anh chàng "chú tòi" mà tác giả bài ca muốn giới thiệu với "cô yếm đào" xinh đẹp, trẻ trung. "Chú" lười biếng và lảm thối hu, tật xấu. "Chú" nghiện rượu (hay tửu, hay tã), nghiện chè (hay nước chè đặc), thường ngủ muộn, thích nằm dài mong nhiều "ngày mưa", ước đêm kéo dài (thừa trống canh) để không phải ra đồng cày ruộng. Tác giả bài ca đã sử dụng điệp từ ("hay" nhắc lại bốn lần, "ngày" hai lần, "ước" hai lần, "đêm" hai lần) gợi cảm giác kéo dài, quanh quẩn, rất bức bối, khó chịu. Đồng thời, lối chơi chữ, nói ngược (hay tửu, hay tã, hay nước chè đặc,...) bên ngoài có vẻ như khen ông chú tài giỏi, nhưng thực ra là để giễu cợt, chê trách. Lời nhẹ nhàng, đùa vui hóm hỉnh nhưng ý nghĩa phê phán khá sâu cay.

Tiếp sau chân dung "chú tòi" là chân dung ông thầy bói và "cậu cai". Ở bài thứ hai, tác giả nhại lời thầy bói, ghi âm nguyên văn những lời phán của thầy trước một cô gái mê tín. Thầy đoán về những điều gì và phán thế nào? Toàn là những điều quan trọng mà cô "đệ tử" ước ao điều tốt lành, điều mới mẻ. Nhưng thầy phán toàn là những lời vô nghĩa, những điều vốn nó như thế, hiển nhiên chẳng cần bói toán, suy đoán gì cả. "Số cô chẳng giàu thì nghèo - Ngày ba mươi tết thịt treo trong nhà...", đây là thầy đoán về "tài lộc" của cô gái. Còn về "gia cảnh", về "nhân duyên" thì... "cô có mẹ, mẹ là đàn bà, có cha, cha là đàn ông, cô sẽ có chồng, có chồng sẽ có con, con gái hoặc con trai"... Rõ ràng cái nhà ông thầy bói này chỉ ba hoa, mồm mép, nói những điều ai cũng biết. Tục ngữ ta có câu "thầy bói nói mò". Ông thầy bói này không chỉ "nói mò" mà nói lảng nhãng, vô vị, thật đáng cười. Đáng cười hơn nữa là giọng nói của thầy. Tác giả dân gian đã sử dụng nghệ thuật "nói nước đôi", nói phóng đại, càng nói càng vô vị, vô nghĩa. Rõ ràng, bài ca dao đã phê phán những kẻ hành nghề mê tín dị đoan, lừa bịp lòng tin của người khác để kiếm tiền. Đồng thời, bài ca cũng giễu cợt, phê phán những người ít hiểu biết, thiếu niềm tin cuộc sống, tìm đến sự bói toán, lễ bái vu vơ, phản khoa học, nhiều khi thêm lo nghĩ không cần thiết "Bói ra ma, quét nhà ra rác". Cha ông ta từng nhắc nhở như thế. Phê phán ông thầy bói, bài ca dao đồng thời cảnh tỉnh chúng ta. Còn "cậu cai" - trong bài thứ tư - thì có gì đáng phê phán và cách phê phán thế nào? Chân dung "cậu cai" được vẽ bằng hai nét đối chọi nhau. Hằng ngày cậu ăn mặc khá sang trọng, nào "nón dẫu lông gà", nào "ngón tay đeo nhẫn". Nhưng khi có công việc, cần sự sang trọng, cần uy quyền thì "Áo ngắn đi mượn, quần dài đi thuê", nghĩa là cậu chẳng có của cải, tài năng đích thực gì. Đó là một thân phận rơm, uy quyền rơm mà thôi! Tác giả dân gian đã dùng nghệ thuật đối lập (bên ngoài oai vệ bên trong tầm thường) kết hợp với cường điệu (ba năm một chuyến sai, áo mượn, quần thuê) để hạ bệ "cậu cai", cũng có nghĩa là châm biếm, phê phán tâng

lớp thống trị xưa. Chúng lố lăng, băng nhắng, nhưng bản chất thì rất tầm thường, quyền hành thâm hại đến nực cười...

Cũng với chân dung con người cụ thể, ca dao châm biếm còn vẽ lại khá nhiều bức tranh xã hội đáng chê trách. Đó là cảnh một đám tang ở nông thôn trong bài ca dao thứ ba. Điều thú vị là tác giả sử dụng nghệ thuật ẩn dụ, tượng trưng. Các nhân vật trong đám tang đều là những con vật. Tang chủ là gia đình cò - một loại nhà nghèo, thân phận bé mọn. Có người thân chết, "cò con" lo "làm ma", vừa đau thương vừa bối rối. Vậy mà những bạn bè, người thân xa gần kéo đến thì ồn ào, nhốn nháo, không phải để chia buồn, giúp đỡ việc tang. Trái lại, "cà cuống" thì uống rượu. Chim ri thì "lây phần". Chào mào "đánh trống". Chim chích "vác mỗ đi rao", chắc là để báo tin cho cả làng biết, tiếp tục kéo đến... Mỗi con vật ẩn dụ một loại người trong làng xóm, đủ cả già trẻ, trai gái, bề trên, kẻ dưới,... Những từ đặc tả, từ láy, từ ghép "la đà", "ríu rít", "cởi trần",... chụp được những chân dung cử chỉ, hành động thật cụ thể, rất rõ nét. Cảnh tượng ấy hoàn toàn không hợp với việc tang. Một việc đáng buồn thương, nghiêm chính bỗng trở nên một màn hài kịch, thành cuộc đánh chén, chia chác om sòm. Thật chua chát, đáng cười và ... đáng khóc. Bài ca dao đã nghiêm khắc phê phán một hủ tục của làng quê ngày xưa...

Mỗi bài một giọng điệu, với những biện pháp nghệ thuật, bật ra những tiếng cười khác nhau, nhưng chòm ca dao châm biếm này đều giống nhau là: nghiêm khắc phê phán những con người xấu xa, những hiện tượng xã hội tiêu cực. Đó là vũ khí tinh thần sắc bén mà nhân dân ta đã sử dụng để mong muốn xoá bỏ những cái xấu, cái ác, mong muốn xây dựng một xã hội, những con người lành mạnh, lương thiện. Tuy đây là lời người xưa, nói về ngày xưa, nhưng đọc, rồi hiểu và suy ngẫm, chúng ta vẫn thấm thía những bài học thiết thực cho ngày nay...